

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/ 2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 31/3/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Việt H**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Anh Ch**

Ông **Đàm Hữu L**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải H** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S – TP. Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà: Ông **Vương Xuân H** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Phú H, xã Minh Ph, huyện S, TP Hà Nội

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Ú**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Ninh M, xã Hiền N, huyện S, TP Hà Nội

Có mặt chị Th, vắng mặt anh Ú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 04.4.2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Th trình bày:**

-Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Văn Ú tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 2015, vợ chồng kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiền N - huyện S – TP Hà Nội ngày 24.11.2015.

Sau khi kết hôn xong vợ chồng chị về sống chung cùng với gia đình anh Ú tại thôn Ninh M, xã Hiền N, huyện S, TP Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mẹ anh Ú bắt chị đi làm về phải đưa hết tiền cho ông bà, chị không đưa thì mẹ anh Ú đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã về bố mẹ đẻ ở từ năm 2016 đến nay. Sau khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở thì gia đình anh Ú không gọi chị về lần nào và không còn qua lại gì với nhau nữa, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ú.

-Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Ú không có con chung.

-Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng chị không có gì liên quan, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Ú:**

Tại bản tự khai ngày 26.02.2020 anh xác nhận thời gian và điều kiện kết hôn như chị Th trình bày. Trong quá trình chung sống anh xác định vợ chồng không xảy ra xô xát, cãi nhau mà chị Th tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh xác định không còn tình cảm với chị Th. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn anh đồng ý.

Về con: Quá trình chung sống anh và chị Th không có con chung.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình

+ Chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th được ly hôn anh Ú.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Chị Th, anh Ú không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện S nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 25/3/2020 anh Ú vắng mặt, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Ú, nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay anh Ú vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ú.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Th kết hôn cùng anh Nguyễn Văn Ú trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiền N, huyện S, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyền số 01/2015 ngày 24.11.2015. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị Th cho rằng là do chị đi làm và bố mẹ chồng bắt chị phải đưa tiền cho ông bà nhưng chị không đưa nên gia đình chồng đã đuổi chị về nhà bố mẹ đẻ. Anh Ú cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau nhưng do vợ chồng đã sống ly thân lâu nên anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy để tồn tại quan hệ hôn nhân thì hai bên đều cùng phải có trách nhiệm, yêu thương, tôn trọng nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Tuy nhiên anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, bản thân anh chị đều xác định không còn tình cảm đề nghị giải quyết ly hôn. Như vậy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Th được ly hôn anh Ú là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Anh y và chị Th đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 235 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th. Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Ú.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ, chị Th phải chịu. Chị được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018433 ngày 06.02.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ú có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận

- VKSND H. S;
- THADS H. S;
- Tòa án Hà Nội;
- UBND xã Hiền N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Việt H

